

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC SỐ LIỆU CUNG CẤP**

(Kèm theo Báo cáo số: 540/BC-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024  
của UBND thành phố)

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu báo cáo	
			Số liệu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I</b>	<b>CHÍNH QUYỀN SỐ</b>			
<b>1</b>	<b>Nhân lực CNTT</b>			
1.1	Tổng số cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm CNTT	người		
-	<i>Cấp huyện</i>			
	+ Tổng số cán bộ CNTT có trình độ chuyên ngành CNTT từ Đại học trở lên	người	2	
	+ Tổng số cán bộ CNTT có trình độ chuyên ngành CNTT dưới Đại học	người	-	
-	<i>Cấp xã</i>			
	+ Tổng số cán bộ CNTT có trình độ chuyên ngành CNTT từ Đại học trở lên	người	-	
	+ Tổng số cán bộ CNTT có trình độ chuyên ngành CNTT dưới Đại học	người	-	
<b>2</b>	<b>Hạ tầng CNTT</b>			
<b>2.1</b>	<b>Cấp huyện</b>			
2.1.1	Tổng số máy tính tại cơ quan, đơn vị	máy	285	
-	Máy chủ	máy	2	
-	Máy tính xách tay, máy tính bảng	máy	81	
-	Máy tính để bàn	máy	204	
2.2.2	Tổng số máy tính kết nối internet	máy	225	<i>Trừ các máy tính soạn thảo, lưu trữ văn bản mật</i>
2.2.3	Tổng số máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus	máy	185	
<b>2.2</b>	<b>Cấp xã</b>			
2.2.1	Tổng số máy tính tại cơ quan, đơn vị	máy	193	
-	Máy chủ	máy	-	
-	Máy tính xách tay, máy tính bảng	máy	17	
-	Máy tính để bàn	máy	176	
2.2.2	Tổng số máy tính kết nối internet	máy	177	<i>Trừ các máy tính soạn thảo, lưu trữ văn bản mật</i>
2.2.3	Tổng số máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus	máy	121	
<b>3</b>	<b>Ứng dụng CNTT</b>			
<b>3.1</b>	<b>Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành</b>			
<b>3.1.1</b>	<b>Cấp huyện</b>			
-	Tổng số văn bản gửi của đơn vị	văn bản	10.881	<i>Tổng số văn bản gửi (bao gồm văn bản hoàn toàn điện tử, văn bản song song điện tử và giấy, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật).</i>

-	Tổng số văn bản gửi của đơn vị hoàn toàn dưới dạng điện tử (không kèm bản giấy)	văn bản	10.280	<i>Tổng số văn bản gửi trên phần mềm, không gửi kèm bản giấy (trừ văn bản ban hành nội bộ) của các phòng, ban chuyên môn</i>
-	Tổng số văn bản gửi của đơn vị song song điện tử và giấy	văn bản	601	<i>Văn bản được gửi với cả hai hình thức, cả trên phần mềm và bản giấy của các phòng, ban chuyên môn</i>
-	Tổng số văn bản nhận của đơn vị	văn bản	32.741	<i>Tổng số văn bản nhận (bao gồm văn bản hoàn toàn điện tử, văn bản song song điện tử và giấy, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật).</i>
-	Tổng số văn bản nhận của đơn vị hoàn toàn dưới dạng điện tử (không kèm bản giấy)	văn bản	32.404	<i>Tổng số văn bản nhận trên phần mềm, không kèm bản giấy của các phòng, ban chuyên môn</i>
-	Tổng số văn bản nhận của đơn vị song song điện tử và giấy	văn bản	337	<i>Văn bản được nhận với cả hai hình thức, cả trên phần mềm và bản giấy của các phòng, ban chuyên môn</i>
<b>3.1.2</b>	<b>Cấp xã</b>			
-	Tổng số văn bản gửi của đơn vị	văn bản	2.713	<i>Tổng số văn bản gửi (bao gồm văn bản hoàn toàn điện tử và song song điện tử và giấy, trừ văn bản nội bộ và văn bản mật theo quy định của pháp luật).</i>
-	Tổng số văn bản gửi của đơn vị hoàn toàn dưới dạng điện tử (không kèm bản giấy)	văn bản	2.308	<i>Tổng số văn bản gửi trên phần mềm, không gửi kèm bản giấy (trừ văn bản ban hành nội bộ).</i>
-	Tổng số văn bản gửi của đơn vị song song điện tử và giấy	văn bản	405	<i>Văn bản được gửi với cả hai hình thức, cả trên phần mềm và bản giấy</i>
-	Tổng số văn bản nhận của đơn vị	văn bản	14.901	<i>Tổng số văn bản đến (bao gồm bản điện tử và song song bản giấy, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) của các phòng, ban chuyên môn.</i>
-	Tổng số văn bản nhận của đơn vị hoàn toàn dưới dạng điện tử (không kèm bản giấy)	văn bản	13.484	<i>Tổng số văn bản đến trên phần mềm có ký số, không kèm bản giấy</i>
-	Tổng số văn bản nhận của đơn vị song song điện tử và giấy	văn bản	1.417	
<b>3.2</b>	<b>Chứng thư số, chữ ký số</b>			
<b>3.2.1</b>	<b>Cấp huyện</b>			
-	Tổng số chữ ký số đã được cấp	chữ ký	55	
-	Tổng số lãnh đạo UBND huyện đã được cấp	người	7	
-	Tổng số lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn đã được cấp	người	48	

<b>3.2.2</b>	<b>Cấp xã</b>			
-	Tổng số UBND cấp xã đã được cấp	xã	8	
-	Tổng số lãnh đạo UBND cấp xã đã được cấp	người	24	
<b>3.3</b>	<b>Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến</b>			
3.3.1	Tổng số cuộc họp giữa UBND huyện với các phòng ban chuyên môn, UBND cấp xã	cuộc họp	29	Tổng số tất cả các cuộc họp đã tổ chức
3.3.2	Tổng số cuộc họp qua Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	cuộc họp		Tổng số cuộc họp trực tuyến
-	2 cấp (Huyện -Xã)	cuộc họp	17	
<b>3.4</b>	<b>Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa</b>			
<b>3.4.1</b>	<b>Cấp huyện</b>			
-	Tổng số hồ sơ giải quyết TTHC	hồ sơ	2.320	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận, giải quyết của của các phòng, ban (thống kê toàn bộ hồ sơ)
-	Tổng số hồ sơ giải quyết TTHC được thực hiện thông qua Cổng Dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử	hồ sơ	2.320	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận, cập nhật, xử lý trên Hệ thống dịch vụ công và một cửa điện tử (thống kê số liệu trên phần mềm)
-	Tỷ lệ hồ sơ công việc	%	100	<p>- Hồ sơ công việc: Bao gồm toàn bộ các văn bản, tài liệu liên quan cần được tiếp nhận, xử lý khi thực hiện một công việc nào đó kể từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc.</p> <p>'- Hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, huyện, xã được xử lý trên môi trường mạng nghĩa là Hồ sơ được tiếp nhận hoàn toàn dưới dạng điện tử, được lưu chuyển, xử lý, lưu trữ dưới dạng điện tử.</p> <p>- Tỷ lệ cần xác định ở đây là tỷ số: Số hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng/Tổng số hồ sơ công việc được xử lý.</p> <p>* Lưu ý: Hồ sơ công việc ở đây bao gồm cả việc xử lý các hồ sơ thủ tục hành chính và việc xử lý công việc giữa các CQNN (ví dụ như xử lý các văn bản đi đến giữa các CQNN).</p>
<b>3.4.2</b>	<b>Cấp xã</b>			
-	Tổng số hồ sơ giải quyết TTHC	hồ sơ	7.192	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận, giải quyết của các xã, phường, thị trấn (thống kê toàn bộ hồ sơ)

-	Tổng số hồ sơ giải quyết TTHC được thực hiện thông qua Cổng Dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử	hồ sơ	7.073	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận, cập nhật, xử lý trên Hệ thống dịch vụ công và một cửa điện tử (thống kê số liệu trên phần mềm)
-	Tỷ lệ hồ sơ công việc	%	98,3	<p>- Hồ sơ công việc: Bao gồm toàn bộ các văn bản, tài liệu liên quan cần được tiếp nhận, xử lý khi thực hiện một công việc nào đó kể từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc.</p> <p>'- Hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, huyện, xã được xử lý trên môi trường mạng nghĩa là Hồ sơ được tiếp nhận hoàn toàn dưới dạng điện tử, được lưu chuyển, xử lý, lưu trữ dưới dạng điện tử.</p> <p>- Tỷ lệ cần xác định ở đây là tỷ số: Số hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng/Tổng số hồ sơ công việc được xử lý.</p> <p>* Lưu ý: Hồ sơ công việc ở đây bao gồm cả việc xử lý các hồ sơ thủ tục hành chính và việc xử lý công việc giữa các CQNN (ví dụ như xử lý các văn bản đi đến giữa các CQNN).</p>
<b>3.5</b>	<b>Thư điện tử công vụ</b>			
<b>3.5.1</b>	<b>Cấp huyện</b>			
-	Tổng số tài khoản được cấp	Tài khoản	280	
-	Tổng số tài khoản sử dụng	Tài khoản	196	
-	Tỷ lệ sử dụng		70	
<b>3.5.2</b>	<b>Cấp xã</b>			
-	Tổng số tài khoản được cấp	Tài khoản	177	
-	Tổng số tài khoản sử dụng	Tài khoản	88	
-	Tỷ lệ sử dụng		50	
<b>3.6</b>	<b>Công/Trang thông tin điện tử</b>			
-	Tổng số tin, bài	Tin, bài	287	
-	Tổng số văn bản	văn bản	896	
<b>3.7</b>	<b>Phần mềm Quản lý hồ sơ CBCCVC</b>			
<b>3.7.1</b>	<b>Cấp huyện</b>			
-	Tổng số CBCCVCNLĐ	người	176	
-	Tổng số hồ sơ CBCCVCNLĐ đã cập nhật lên phần mềm	hồ sơ	176	
<b>3.7.2</b>	<b>Cấp xã</b>			
-	Tổng số CBCCVCNLĐ	người	164	
-	Tổng số hồ sơ CBCCVCNLĐ đã cập nhật lên phần mềm	hồ sơ	164	
<b>3.8</b>	<b>Số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực</b>			

-	Tổng số hồ sơ giải quyết TTHC còn hiệu lực	hồ sơ	61.038	
-	Tổng số hồ sơ đã được số hóa	hồ sơ	61.960	
-	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC còn hiệu lực được số hóa		101,5	
<b>II</b>	<b>KINH TẾ SỐ</b>			
<b>1</b>	<b>Tỷ lệ hộ gia đình có cửa hàng số</b>			
-	Tổng số hộ gia đình có cửa hàng số	Hộ	19.522	
-	Tổng số hộ	Hộ	26.459	
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ tài khoản thanh toán điện tử</b>			
-	Tổng số tài khoản thanh toán điện tử	Tài khoản	72.492	
-	Tổng dân số	Người	103.559	
<b>3</b>	<b>Tổ công nghệ số cộng đồng</b>			
-	Số tổ	Tổ	87	
-	Số thành viên	thành viên	623	
<b>III</b>	<b>XÃ HỘI SỐ</b>			
<b>1</b>	<b>Người dân từ 15 tuổi trở lên cài đặt và sử dụng 'Nền tảng "Công dân số - Xứ Lạng"'</b>	tài khoản	91.530	
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng</b>			
-	Tổng số hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	hộ	22.492	
-	Tổng số hộ gia đình	hộ	26.459	
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ dân số có điện thoại di động thông minh</b>			
-	Tổng dân số có điện thoại di động thông minh	Người	91.787	
-	Tổng dân số	Người	107.985	